

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Bản án số: **20/2025/HNGĐ-ST**

Ngày 28/3/2025

“Về việc ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Thiệu và ông Phạm Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý sơ thẩm số 684/2024/TLST-HNGĐ ngày 13/11/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐST- HNGĐ ngày 25/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐ-ST ngày 13/3/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Triệu Thị H, sinh năm 1994; Nơi ĐKKHKT: Khu L, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: Số B ngõ A N, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội (*vắng mặt tại phiên tòa*).

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1994; Nơi ĐKKHKT và trú tại: Khu L, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (*vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn chị Triệu Thị H thể hiện:*

Chị và anh Đỗ Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/10/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi và vợ chồng không có con chung. Năm 2022 chị đi lao động ở nước ngoài, vợ chồng xa cách nên mâu thuẫn càng căng thẳng. Đến tháng 01/2024 chị về Việt Nam sinh sống tại gia đình bố mẹ đẻ cho đến nay. Chị và T không quan tâm, liên lạc với

nhau. Nay, chị không còn tình cảm với anh T, đề nghị Toà giải quyết cho chị được ly hôn.

Chị H và anh T không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Bị đơn anh Đỗ Văn T đã được Toà án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, thông qua gia đình là ông Đỗ Văn H1 và bà Đàm Thị B - bố mẹ đẻ của anh T trình bày:* Chị H và anh T là vợ chồng, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, chị H, anh T sống cùng ông bà tại khu L, phường T, thành phố H. Sống chung được khoảng 01 năm thì anh T và chị H đi làm ở Trung Quốc sau đó lại về nhà. Chị H đi làm cắt tóc gọi đầu đến năm 2022 thì đi N còn anh T vẫn ở cùng ông bà. Khoảng năm 2024, chị H về Việt Nam nhưng không về nhà. Ông bà được biết khoảng thời gian này chị H và anh T có mâu thuẫn, muốn ly hôn nên anh T chán nản. Hiện, chị H không liên lạc với ông bà và anh T. Nay chị H xin ly hôn, ông bà không có ý kiến mà do chị H và anh T quyết định. Chị H và anh T không có con chung, không có tài sản chung và không công sức đóng góp chung cho gia đình. Các văn bản tố tụng của Toà án giao cho anh T, ông bà nhận thay và cam đoan sẽ giao, thông báo cho anh T biết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa tiến hành thụ lý, thu thập tài liệu chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát theo đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS). Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) tuân thủ đúng quy định về trình tự tại phiên tòa sơ thẩm của BLTTDS. Nguyên đơn chấp hành, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Ý kiến về giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Triệu Thị H được ly hôn với anh Đỗ Văn T. Về quan hệ con chung, tài sản chung, do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều đã được Toà án triệu tập họp lệ. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Toà án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị Triệu Thị H và anh Đỗ Văn T là vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/10/2017 theo quy định của pháp luật. Nên hôn nhân của chị H và anh T là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và không có con chung. Hai người đã không chung sống với nhau một thời gian dài, đến nay không còn quan tâm, liên lạc với nhau. Quá trình giải quyết tại Tòa án, Tòa án tiến hành hoà giải hai lần nhưng anh T đều không có mặt. Nay, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh T. Xét hôn nhân của chị H và anh T không còn hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh T.

Chị H và anh T không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung, các đương sự không yêu cầu nên quan hệ này Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Triệu Thị H được ly hôn anh Đỗ Văn T.
2. *Về án phí:* Chị Triệu Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu số 0000847 ngày 06/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương (đã nộp xong).
3. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- UBND phường Thạch Khê, TP. Hải Dương (kết hôn năm 2017);
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu Tòa;
- Lưu hồ sơ.

Vũ Thị Hà